

Biểu số: 1106.N.CT
Kèm theo Thông tư số 131/2025/TT-BTC
ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính
Thời hạn báo cáo: Ngày 30 tháng đầu tiên của năm
sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Thuế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Công nghệ thông tin và chuyển
đổi số

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ DOANH NGHIỆP CÓ MÃ SỐ
THUẾ 10 SỐ THEO ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG
ƯƠNG**

Năm...

S T T	Địa Phương Tỉnh/Thà nh phố trực thuộc Trung ương	NĂM TRƯỚC		NĂM HIỆN HÀNH		SO SÁNH CUỐI KỲ VỚI ĐẦU KỲ NĂM TRƯỚC		SO SÁNH CUỐI KỲ VỚI ĐẦU KỲ NĂM NAY	
		Số lượng ngườ i nộp thuế Đầu kỳ Năm. (năm trướ c)	Số lượ ng ngư ời nộp thu ế cuối kỳ Nă m (nă m trư ớc)	Số lượn g ngư ời nộp thuế Đầu kỳ Năm hiện hàn h	Số lượ ng ng ườ i nộ p thu ế cuố i kỳ Nă m hiệ n hà nh	(+/-) Tăng/gi ảm	% So sánh thời điểm cuối kỳ năm trước/T hời điểm đầu kỳ năm trước	(+/-) Tăng/gi ảm	% So sánh thời điểm cuối kỳ năm nay/T hời điểm đầu kỳ năm nay
(A)	(B)	1	2	3	4	= 2-1	=2/1*10 0	=4-3	=4/3*1 00

	TỔNG CỘNG								
1	NNT đang hoạt động								
2	NNT tạm ngừng hoạt động kinh doanh								
3	NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
4	NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký								
5	NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
6	Số lượng NNT cơ quan thuế đã cấp mã số thuế								

1	Hà Nội								
1	NNT đang hoạt động								
2	NNT tạm ngừng hoạt động kinh doanh								
3	NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
4	NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký								
5	NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
6	Số lượng NNT cơ quan thuế đã cấp mã số thuế								

2	Thành phố Hồ Chí Minh								
1	NNT đang hoạt động								
2	NNT tạm ngừng hoạt động kinh doanh								
3	NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
4	NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký								
5	NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST								
6	Số lượng NNT cơ quan thuế đã cấp mã số thuế								

3									
---	-------------	--	--	--	--	--	--	--	--

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1106.N.CT: Thống kê số lượng người nộp thuế là doanh nghiệp có mã số thuế 10 số theo địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

1. Khái niệm, phương pháp tính:

- Số lượng người nộp thuế đang hoạt động: Là số lượng người nộp thuế đã được cơ quan thuế cấp mã số thuế, không thuộc một trong các trường hợp sau tại thời điểm thống kê:

- + Người nộp thuế tạm ngừng kinh doanh;
- + Người nộp thuế ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt MST.
- + Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt MST.
- + Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Số lượng người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: Là số lượng người nộp thuế được cơ quan Thuế chuyển sang trạng thái "người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh" sau khi đã nhận được thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh của người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vẫn đang ở trạng thái "người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh" tại thời điểm thống kê.

- Số lượng người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế: Là số lượng người nộp thuế đang ở trạng thái người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt MST.

- Số lượng người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: Là số lượng người nộp thuế đang ở trạng thái người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Số lượng người nộp thuế ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế: Là số lượng người nộp thuế đang ở trạng thái người nộp thuế ngừng hoạt động đã hoàn thành thủ tục chấm dứt MST.

- Số lượng người nộp thuế cơ quan thuế đã cấp mã số thuế: Là số lượng người nộp thuế cơ quan thuế đã cấp mã số thuế đến thời điểm thống kê.

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê về thuế nội địa và các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

2. Nguồn số liệu: Cơ sở dữ liệu của ngành Thuế.

